

Số: 2790952

|                                                | PEUGEOT 408 ALLURE    | Mazda CX-5 2.5L Signature Sport |
|------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.019.000.000đ</b> | <b>959.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                       |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510    | 4590 x 1845 x 1680              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                  | 2700                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                   | 200                             |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1430                  | 1630                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1880                  | 2080                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                   | 442                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                    | 58                              |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                     | 5                               |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước      | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                       |                                 |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech    | 2.5L Skyactiv-G                 |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                  | 2488                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500            | 188 / 6000                      |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000            | 252 / 4000                      |
| Hộp số                                         | 8AT                   | 6AT                             |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)       | 2 Cầu (AWD)                     |
| Hệ thống treo trước                            | Độc Lập Mac Pherson   | Độc lập Mc Pherson              |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập           | Liên kết đa điểm                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                   | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                   | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18            | 225/55 R19                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.74                  | 10.27                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.31                  | 6.75                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.59                  | 8.04                            |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                     | ●                               |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport      | Normal / Sport                  |
| Chế độ địa hình                                | -                     |                                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                       |                                 |
| Cụm đèn trước                                  | LED                   | LED                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                     | ●                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                     | ●                               |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                     | ●                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                     | ●                               |
| Đèn ban ngày LED                               | ● (Nanh sư tử)        | ●                               |
| Cụm đèn sau                                    | LED                   | LED                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                     | Sấy Gương                       |
| Gạt mưa tự động                                | ●                     | ●                               |
| Cửa sổ trời                                    | -                     | ●                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                       |                                 |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                     | ●                               |
| Chất liệu ghế                                  | Da                    | Da                              |

|                                      |         |                  |
|--------------------------------------|---------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -       |                  |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●       | ●                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -       |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -       |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●       | ●                |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -       |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -       |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -       |                  |
| Tính năng cửa hít                    | -       |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●       | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | 10 inch | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                         | -       | ●                |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 10 inch | 8''              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●       | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●       | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2       | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●       | ●                |
| Chìa khóa thông minh                 | ●       | ●                |
| Khởi động nút bấm                    | ●       | ●                |
| Khởi động từ xa                      | -       |                  |
| Lấy chuyển số                        | ●       | ●                |
| Sạc không dây Qi                     | ●       |                  |
| Phanh đỗ điện tử                     | -       | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -       | ●                |
| Đèn trang trí nội thất               | -       | -                |
| Rèm che nắng                         | -       |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●       | ●                |

#### **AN TOÀN:**

|                                                 |     |                |
|-------------------------------------------------|-----|----------------|
| Số túi khí                                      | 6   | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   | ●              |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -   | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●   | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●   | MRCC Stop & Go |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | -   |                |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●   |                |

Camera lùi

● (Giả lập 180 độ)

● (Camera 360)